

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HỌC NỮ QUYỀN TRUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ HIỀN^(*)

Văn học nữ quyền là một khái niệm hiện còn nhiều tranh cãi ở Trung Quốc, trong đó nổi lên 3 quan điểm tiêu biểu. Quan điểm thứ nhất cho rằng chỉ cần nội dung tác phẩm viết về nữ giới thì dù là sáng tác của nam tác gia hay nữ tác gia cũng đều được gọi là văn học nữ quyền. Quan điểm thứ hai cho rằng, tất cả những sáng tác của nhà văn nữ đều được gọi là văn học nữ quyền. Còn quan điểm thứ ba, theo chúng tôi là thuyết phục hơn cả, cho rằng, chủ thể sáng tác văn học nữ quyền là nữ giới và nội dung, đề tài, chủ đề của tác phẩm phải miêu tả về cuộc sống nữ giới.

Hình thành từ những năm 1970 và phát triển thành một dòng văn học độc lập khoảng một thập niên sau đó, văn học nữ quyền đã làm nên một diện mạo mới cho văn đàn Trung Quốc đương đại. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đem đến cho độc giả cái nhìn tổng quan về quá trình hình thành, phát triển của văn học nữ quyền Trung Quốc cũng như lĩnh vực lý luận phê bình dòng văn học này.

I. Quá trình phát triển của văn học nữ quyền Trung Quốc

1. Giai đoạn đầu: từ cuối những năm 1970 đến đầu những năm 1980

Trong giai đoạn này có các tác giả nổi tiếng như Dương Giáng, Vi Quân Nghi, Tông Phác, Như Chí Quyên, Trịnh Mẫn. Ngoài ra còn có nhóm tác giả tuổi trung niên như Trương Khiết, Thẩm Dung, Đới Hậu Anh, Đới Tình, Trình Nãi San, Hàng Ứng, Diệp Văn Linh, Lăng Lực, Hoắc Đạt, Lưu Chân,...

Tác phẩm văn học nữ quyền giai đoạn này thể hiện ý thức giải phóng tư tưởng, khát vọng tình yêu tự do và kêu gọi ý thức nữ quyền. Những sáng tác tiêu biểu có *Yêu là không thể quên* (Trương Khiết), *Người đến tuổi trung niên*, *Mãi mãi là mùa xuân* (Thẩm Dung), *Quyền được yêu*, *Bắc cực quang* (Trương Kháng Kháng), *Giấc mơ trên phím đàn* (Tông Phác), *Lá cờ đen* (Lưu Chân), *Con đường nhỏ trên thảo nguyên*, *Câu chuyện bị cắt xén sai* (Như

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Chí Quyên), *Góc bị bỏ quên* (Trương Huyền),...

Trong số các nhà văn nữ quyền thời kỳ đầu, tác phẩm của Trương Ái Linh, Trương Khiết, Thẩm Dung... có ảnh hưởng hơn cả. Các nữ sĩ này cho rằng, tác gia nữ cần phá bỏ những ràng buộc truyền thống, hướng ra xã hội, giành quyền bình đẳng nam nữ. Những vấn đề mà tác gia nữ quyền thời kỳ đầu đưa ra đã gây sốc cho giới văn chương, vì sau thời gian dài bị áp bức, đây là lần đầu tiên phụ nữ Trung Quốc đứng lên và kêu gọi quyền cơ bản của mình trong lịch sử Trung Hoa.

2. Giai đoạn hai: những năm cuối thập niên 1980

Đây là giai đoạn văn học nữ quyền Trung Quốc bước vào thời kỳ mới, đóng vai trò khá quan trọng trên diễn đàn văn học Trung Quốc. Nhiều tác phẩm xuất hiện trong giai đoạn này, chủ yếu phản ánh số phận người phụ nữ, bộc lộ ý thức bình đẳng giới, dục vọng cá nhân và những yêu cầu nhân văn khác của người phụ nữ. Những sáng tác giai đoạn này đã từng bước tách khỏi chính trị, xã hội, thiên về “cá thể hóa”. Thậm chí có những sáng tác đã chuyển từ đề tài tình yêu sang tình dục, dám nhìn thẳng vào tình dục, nhưng tình dục dường như được thăng hoa và mang ý nghĩa triết học.

Tiêu biểu có *Phương chu, Vô tự* (Trương Khiết), *Hành lang tình ái*, *Người bạn ẩn mình*, *Tác nữ* (Trương Kháng Kháng), chùm thơ *Con gái* (Cù Vĩnh Minh), chùm thơ *Phòng ngủ của người phụ nữ độc thân* (Y Lôi),...

3. Giai đoạn ba: những năm 1990

Trong giai đoạn này, nhiều tác phẩm thể hiện rõ nét cá nhân hóa tiếng nói nữ quyền. Bị áp chế lâu ngày, khi được cất cao tiếng nói, các tác gia nữ quyền hết mình bày tỏ sự phẫn nộ với “trung tâm nam quyền”, thoải mái phản ánh sự thử nghiệm nhân gian mới lạ và tình cảm bí ẩn của nữ giới. Giới phê bình văn học Trung Quốc coi năm 1995 là năm phát triển huy hoàng nhất của văn học nữ quyền. Sự xâm nhập ồ ạt của lý luận chủ nghĩa nữ quyền phương Tây, môi trường sáng tác dân chủ, rộng mở cũng như sự thay đổi quan điểm thẩm mỹ của độc giả khiến văn học nữ quyền có sự thay đổi to lớn. Xem xét lại quan niệm truyền thống coi nam giới là trung tâm, khôi phục địa vị người phụ nữ, biểu hiện không gian và thời gian đời sống nữ giới... là nguyện vọng chung của tác gia nữ quyền. Họ bắt đầu đi theo hướng “sáng tác cá nhân hóa”, “sáng tác tư nhân”, “sáng tác thân thể”. Các nhà văn nữ ít đề cập tới những đề tài trọng đại mà phần lớn tiếp cận với những câu chuyện đời thường, thể hiện suy ngẫm của họ về cuộc đời.

Tác gia văn học nữ quyền giai đoạn này phải kể đến Phương Phương, Trì Lợi, Trương Hân, Tất Thục Mẫn, Từ Tiểu Bân, Trì Tử Kiến, Trần Nhiễm, Lâm Bạch, Hải Nam, Từ Khôn, Tu Lan, Ngô Đạm Như,... Các tác phẩm tiêu biểu là *Cuộc sống riêng tư* (Trần Nhiễm), *Cuộc đấu tranh của một người* (Lâm Bạch), *Ánh lửa bỏ chạy*, *Nước đi theo trời* (Phương Phương), *Nữ nhân truyền* (Hải Nam),...

4. Giai đoạn bốn: những năm đầu thế kỷ XXI

Đây cũng là thời kỳ bùng nổ của

dòng văn học Linglei^(*). Trào lưu văn học Linglei bao gồm truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ ca... Một số tác phẩm của Linglei là những ghi chép chân thực về cuộc sống đô thị. Văn học Linglei khác biệt với dòng văn học chính thống, thể hiện ở cách đặt vấn đề, phong cách sáng tác và lối hành văn. Vấn đề được đề cập đến trong dòng văn học này rất đa dạng, mới mẻ, hiện đại và nhạy cảm như tình dục, ma túy, lối sống hưởng thụ... Theo trào lưu đó, văn học nữ quyền nghiêng về việc thể hiện số phận cá nhân và dục vọng của người phụ nữ. Rất nhiều tác phẩm "nóng" gây mưa gió trên văn đàn, sự ra đời của nó là nhu cầu phát triển tự thân của văn học, cũng là kết quả của khuynh hướng quảng cáo sản phẩm trong thời đại tiêu dùng. Trước và sau năm 2000, nhóm một số tác gia "mỹ nữ" đã cho ra đời một loạt tác phẩm gọi là "sáng tác thân thể" gây sốt bởi việc bóc trần bí mật sinh hoạt riêng tư, tập trung miêu tả quan hệ nam nữ và viết nhiều về tình dục.

Những đại biểu xuất sắc của dòng Linglei là mỹ nữ Linglei và thế hệ nhà văn 8X. Họ là Vệ Tuệ với các tác phẩm *Điên cuồng như Vệ Tuệ*, *Cứ trần trụi như thế*, *Thiên của tôi*, *Thượng Hải bảo bối*; là Miên Miên với *Kẹo*; là An Ni Bảo Bối với *Đảo Tường Vy*, *Hoa bên bờ*; là Bì Bì với *Tình xưa mộng cũ*, *Ôi đàn ông*, *Dấu chấm tình yêu*; là Xuân Thụ với *Búp bê Bắc Kinh*; là Trương Duyệt Nhiên với *Thủy Tiên đã cười chép vầng đi*, *Giày đỏ*, *Mười yêu*... Trong các tác giả này, Vệ Tuệ được xem là cánh chim đầu đàn của mỹ nữ Linglei.

(*)Phiên âm tiếng Trung Quốc, linglei có nghĩa là "một dạng khác, một loại khác". Văn học Linglei được coi là dòng văn học khác biệt với văn học truyền thống (BBT).

Ngoài những gương mặt tiêu biểu theo trào lưu văn học Linglei, những năm đầu thế kỷ XXI còn có một số nhà văn nữ quyền khác đã gặt hái được nhiều thành công khi viết về người phụ nữ nông thôn Trung Quốc, trong số đó phải kể đến Trương Tiểu Ngân, Cát Thủy Bình, Mã Hiểu Lệ,...

Gần đây, nhiều tên tuổi tác gia văn học nữ quyền tuổi teen được đông đảo độc giả biết đến như Tân Di Ổ, Cố Mạn, Âu Dương Tịnh Như, Cô Nham Nhụy Vi, Tinh Không Lam Hề, Tâm Doanh Cốc, Minh Hiểu Khê,... với các tác phẩm *Thủy tinh trong suốt*, *Câu chuyện thần thoại*, *Mặt trời rực rỡ nhất ngày đông*, *Bong bóng mùa hè*, *Sẽ có thiên thần thay em yêu anh* (Minh Hiểu Khê), *Bên nhau trọn đời*, *Yêu em từ cái nhìn đầu tiên*, *Sam Sam đến đây ăn đi* (Cố Mạn), *Anh có thích nước Mỹ không*, *Hóa ra anh vẫn ở đây*, *Bình minh và hoàng hôn*, *Ánh trăng không hiểu lòng tôi* (Tân Di Ổ),...

Nhìn chung, sáng tác của văn học nữ quyền Trung Quốc vẫn chưa hoàn toàn phủ định quan điểm "hiên thê lương mẫu" truyền thống, xuyên suốt các tác phẩm chủ yếu vẫn là thể hiện vận mệnh của người phụ nữ, trong đó điểm nổi bật không phải là ý thức cá nhân của người phụ nữ mà chỉ là đại diện cho ý thức của số phận người phụ nữ nơi đó, thời đó.

II. Về lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc

Đầu những năm 1920, Lỗ Tấn, A Anh, Giá Ngọc Ba, Thảo Dã, Tô Tuyết Lâm... là những người đầu tiên đặt nền móng xây dựng lý luận văn học nữ quyền ở Trung Quốc. Nhưng nghiên cứu của nhóm này phần nhiều là nghiên cứu

một tác gia cụ thể. Suốt 30 năm tiếp theo, lý luận cũng như phê bình văn học nữ quyền khá "im hơi lặng tiếng". Một số công trình nghiên cứu về văn học nữ quyền được công bố nhưng hầu như ít phê phán nam giới và nhận diện bản thân, chỉ chú trọng nghiên cứu đặc trưng mỹ học của văn học nữ quyền.

Từ năm 1978, một số dịch giả bắt đầu dịch và giới thiệu sách lý luận văn học nữ quyền phương Tây. Đây chính là tiền đề khai mở cho lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc những năm 1980. Việc giới thiệu lý luận cũng như tác phẩm nữ quyền phương Tây ở Trung Quốc thời kỳ này tương đối thích hợp với nhu cầu tự thức tỉnh ý thức nữ giới Trung Quốc. Chu Hồng cũng bắt đầu giới thiệu và nghiên cứu một số tác phẩm văn học nữ quyền phương Tây, phân tích và phê phán văn hóa bá quyền trung tâm nam giới. Thông qua việc giới thiệu một số tác phẩm của các tác gia nữ bị vùi lấp, đồng thời đứng từ góc độ lịch sử văn học và xã hội học để xem xét lại khuynh hướng lý luận phê bình hình thức chủ nghĩa coi thường chủ thể tác gia, giới lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc đã phản ánh quan điểm nữ quyền chủ nghĩa tự giác những năm 1970-1980.

Bước vào những năm 1990, có thể nói, lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc có sự thay đổi sâu sắc và đã bước được những bước đi dài, dần dần phát triển theo chiều sâu và bắt đầu quan tâm đến ý nghĩa, giá trị của người phụ nữ.

Năm 1992, cuốn *Phê bình văn học nữ quyền đương đại* do Trương Kinh Viện xuất bản đã ảnh hưởng lớn tới giới lý luận phê bình đương thời. Song song

với việc truyền bá lý luận phê bình văn học nữ quyền phương Tây, các nhà lý luận phê bình Trung Quốc đã sử dụng phương pháp lý luận phê bình phương Tây để nghiên cứu tác phẩm, tác gia nữ quyền Trung Quốc cũng như một số vấn đề lý luận chung về dòng văn học này ở Trung Quốc.

Sáng tác của các nữ tác gia thời kỳ này đã thúc đẩy lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc phát triển. Các nhà lý luận phê bình như Đới Cẩm Hoa, Lý Tiểu Giang, Vương Phi đã giành được những thành tựu đáng kể với quan điểm và phương pháp nghiên cứu mới. Tuy vậy, các nhà lý luận phê bình cũng gặp tương đối nhiều khó khăn để bắt nhịp với sáng tác của các nữ sĩ trẻ tuổi. Chính vì vậy, nhà nghiên cứu Hạ Quế Mai cho rằng, từ năm 1990 trở lại đây, giới nghiên cứu văn học nữ quyền thường xuyên sử dụng những từ đại loại như "khó khăn", "nguy cơ" để hình dung hoàn cảnh của mình. Lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc mất đi sức tiến công rộng mở trước và sau năm 1990, nhất là tranh luận xung quanh "sáng tác cá nhân hóa". Văn học nữ quyền được coi là "sáng tác thân thể", "văn học mỹ nữ", còn giới lý luận phê bình văn học nữ quyền thì chưa thể có câu trả lời hữu hiệu, thỏa đáng cho những vấn đề đó. Khi phân tích vấn đề này, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng "văn học nữ quyền ra sức tiếp nhận lý luận phê bình nữ quyền chủ nghĩa phương Tây mà không để ý đến tình hình thực tế Trung Quốc..." (14).

Phân tích tư tưởng chủ nghĩa bá quyền nam giới trong văn học, lật lại kết cấu chủ nghĩa trung tâm nam giới chính là hạt nhân tư tưởng và cương

lĩnh cơ bản của lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc thời kỳ này. Chu Hồng chỉ ra rằng, “hình tượng phụ nữ do sự tưởng tượng và nguyện vọng của nam giới xây dựng nên. Những cô gái “bồ câu nhỏ”, “người đẹp ngủ”... đều là sản phẩm trong tưởng tượng chủ quan của nam tác gia; vai trò, bản chất, địa vị nữ giới hoàn toàn do nam giới thao túng, định đoạt, giải thoát, khiến nữ giới không thể thoát khỏi sự ràng buộc của nam giới, lịch sử xây dựng hình tượng văn học là một lịch sử đầy bi kịch mà nữ giới bị nam giới lợi dụng, bóc lột...” (15).

Các nhà lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc thời kỳ này chủ yếu nhằm vào lịch sử văn học truyền thống, phê phán chủ nghĩa trung tâm nam quyền trong văn học, tìm về văn học nữ quyền truyền thống và phương thức thể hiện đặc biệt của nữ giới. Lý luận phê bình nữ quyền phương Tây ngày càng thâm nhập sâu hơn vào lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc. Chính nhờ đó mà lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc phát triển đa dạng hơn. Có thể thấy rõ điều đó qua các vấn đề được đưa ra cũng như cách vận dụng phương pháp, sử dụng thuật ngữ, thậm chí là khung lý luận...

Nhiều công trình nghiên cứu về văn học nữ quyền Trung Quốc lần lượt xuất hiện trong quãng thời gian này. Đó là cuốn *Lịch sử văn học đương đại Trung Quốc* của Hồng Tử Thành (1999), bài viết *Bàn về sự mở rộng không gian sáng tác nữ quyền và coi đó là sự mở rộng không gian sáng tác mới* của Trần Tư Hòa trong *Giáo trình lịch sử đương đại Trung Quốc* (1999), bài viết *Bàn về ý thức nữ quyền và sáng tác nữ quyền* của

Dương Khuông Hán, Mạnh Phồn Hoa trong cuốn *Năm mươi năm văn học nước cộng hòa* (1999), bài viết *Bàn về sức mạnh của văn học nữ quyền* của Trương Quýnh trong cuốn *Lịch sử văn học Trung Quốc mới* (1999)...

Thân phận xã hội của nữ giới dường như là đề tài xuyên suốt của lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc thời kỳ này. Nhà nghiên cứu Mạnh Duyệt chỉ ra rằng, “trong lịch sử 2000 năm, nam giới có quyền diễn ngôn, sáng tạo phù hiệu liên quan đến nữ giới, nữ giới chẳng qua chỉ là đối tượng khách quan được đưa ra bàn luận, quyền diễn ngôn của nam giới thao túng cả hệ thống ngữ nghĩa. Nam giới sáng tạo nên giá trị nữ giới, hình tượng nữ giới và quy phạm hành vi nữ giới, vì thế sáng tạo nên tất cả trần thuật có liên quan đến nữ giới...” (16). Lý Tiểu Giang cũng có một loạt bài viết có cùng quan điểm với Mạnh Duyệt.

Một số vấn đề lý luận quan trọng của văn học nữ quyền Trung Quốc cũng như một số công trình lý luận phê bình văn học nữ quyền phương Tây đã được các nhà lý luận phê bình nam giới quan tâm triệt để. Tuy nhiên, số lượng các nhà lý luận phê bình nữ vẫn chiếm phần lớn và đó là điểm có phần giống với phương Tây của lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc.

Một số học giả nước ngoài có cách đánh giá mới về văn học nữ quyền Trung Quốc, trong đó có hai công trình tiêu biểu nghiên cứu về văn học nữ quyền Trung Quốc ở Mỹ là *Nữ quyền với sáng tác hiện đại Trung Quốc* của tác giả Wendy Larson (1998) và *Quan điểm nữ quyền với tự sự chính trị Trung Quốc hiện đại* của Sally Taylor Lieberman

(1998). Hai tác giả người Mỹ đã đi từ nhiều góc độ khác nhau, dùng quan điểm lý luận phê bình nữ quyền chủ nghĩa lý giải văn học hiện đại Trung Quốc, dùng mối liên hệ của nữ tác gia với sáng tác và hình tượng người mẹ làm trung tâm để đánh giá lại lịch sử văn học Trung Quốc hiện đại.

Đến cuối thế kỷ XX, một số công trình lớn được công bố như *Lịch sử văn học nữ quyền Trung Quốc thế kỷ XX* do Thịnh Anh làm chủ biên và các công trình nghiên cứu chuyên biệt có liên quan đến nghiên cứu và lý luận văn học nữ quyền của Lý Tử Vân, Lưu Tư Khiêm, Lý Tiểu Giang, Đới Cẩm Hoa, Ngô Tôn Huệ, Vương Phi, Kiều Dĩ Cương, Lâm Đan Á, Nhậm Nhất Minh, Đàm Tương, Hoang Lâm, Khuất Nhã Quân, Triệu Thụ Cần,... Trong một số nhà lý luận phê bình đó, “có người vận dụng phê bình xã hội – lịch sử hay phê bình mỹ học – lịch sử, đặc biệt chú ý đến thực tế phát triển của văn học nữ quyền Trung Quốc và dùng kinh nghiệm sống của bản thân, bắt đầu xây dựng kết cấu phê bình và nghiên cứu văn học nữ quyền Trung Quốc đương đại; có người đề xướng phê bình nữ quyền chủ nghĩa, dùng quan điểm liên ngành để tiến hành khảo sát lịch sử và hiện trạng văn học nữ quyền, đẩy phê bình văn học nữ quyền đến giới hạn nghiên cứu liên ngành; có người xuất phát từ văn học mở rộng tới lĩnh vực văn hóa, phần nhiều nghiên cứu về lịch sử và hiện trạng văn học nữ quyền...” (17).

Trong các loại hình phê bình, lý luận phê bình tiểu thuyết phát triển nhất bởi có đội ngũ đông đảo, hơn nữa còn tiến hành nghiên cứu những vấn đề có tính đột phá, nổi bật. Lý luận phê

bình tiểu thuyết đồng bộ với sáng tác, thậm chí đi trước sáng tác. Quan niệm về tiểu thuyết phong phú và mở rộng. Các nhà phê bình đã đề xuất mệnh đề “tiểu thuyết là hình thức tự do”, cho rằng “tiểu thuyết có thể mở rộng biên độ và nội dung”,... Các nhà lý luận phê bình nữ quyền còn chỉ ra xu hướng phát triển của tiểu thuyết với “lục biến”: giải phóng hệ thống phong bế chủ nghĩa hiện thực; nghiêng về biểu hiện chủ quan của tác giả; nghiêng về miêu tả hình thái nội tại của cuộc sống xã hội, tức thế giới nội tâm của con người; chuyển kết cấu tình tiết đơn hướng thành kết cấu tâm lý đa hướng; thay đổi kiểu đơn tuyến tự sự thành đa tuyến; nghiêng về phương thức thể hiện và vận dụng kỹ xảo.

Tuy lý luận của họ chưa thực sự chín muồi, nhưng có thể nói đội ngũ lý luận phê bình văn học nữ quyền Trung Quốc giai đoạn này đã tiến được những bước đáng kể.

Có thể nói, trong hơn 30 năm phát triển, nghiên cứu văn học nữ quyền Trung Quốc đã trải nghiệm qua thực tiễn, dần dần hình thành một lĩnh vực học thuật đặc biệt. Thành quả nghiên cứu của nó thể hiện ở nhiều hình thức xuất bản như bài viết, in sách. Trong quá trình nghiên cứu, các nhà lý luận phê bình chủ yếu triển khai ở đối tượng nghiên cứu, khái niệm cơ bản, bàn về trọng điểm lý luận và thao tác nghiên cứu.

Tóm lại, văn học nữ quyền Trung Quốc là một dòng văn học mới phát triển theo hướng khác biệt với dòng văn học truyền thống Trung Quốc cả về nội dung và nghệ thuật. Những tranh luận về ảnh hưởng và tính mới mẻ, táo bạo

của dòng văn học này chưa lúc nào ngừng nghỉ trên văn đàn. Mặc dù quá trình hình thành và phát triển của văn học nữ quyền với tính chất rõ rệt và nổi bật của nó chưa dài (khoảng gần 30 năm), nhưng trải qua các giai đoạn phát triển, văn học nữ quyền đã gặt hái được nhiều thành tựu qua sự đổi mới về chủ thể sáng tác, đặc điểm nội dung, đặc điểm nghệ thuật cũng như phương thức sáng tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Sĩ Hiệp. Một số vấn đề văn học Trung Quốc thời kỳ mới. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia, 2002.
2. Lê Huy Tiêu. Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ đổi mới (1976 – 2000). H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
3. Lê Huy Tiêu. Cảm nhận mới về văn hóa và văn học Trung Quốc. H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.
4. Vương Tiên Bái. Báo cáo điều tra một số tình hình sáng tác văn học từ thế kỷ mới đến nay. Trung Quốc: Văn nghệ Xuân Phong, 2006.
5. Nghiêm Tử Bình. Nghiên cứu phê bình văn học nữ quyền chủ nghĩa thời kỳ mới. Trung Quốc: Đại học sư phạm Hoa Đông, 2004.
6. Lưu Hân. Bàn về sáng tác của Đinh Linh. Trung Quốc: Đại học Trịnh Châu, 2002.
7. Mạnh Phồn Hoa. Thông luận văn học Trung Quốc đương đại. Trung quốc: Nhân dân Liêu Ninh, 2008.
8. Mã Xuân Hoa. Bàn về trào lưu văn học nữ quyền đương đại Trung Quốc. Trung Quốc: Đại học sư phạm Sơn Đông, 2006.
9. Vương Ninh. Ý thức giới tính trong sáng tác cá nhân hóa. Trung Quốc: Đại học sư phạm Hà Bắc, 2005.
10. Tần Lâm Phương. Đinh Linh và văn học vết thương. Tạp chí *Tranh luận văn học*, số 2/2009 (tiếng Trung).
11. Trương Quýnh. Nghiên cứu văn học Trung Quốc đương đại. Trung Quốc: Văn hóa nghệ thuật, 2005.
12. Tạ Hữu Thuận. Thường đạo văn học. Trung Quốc: Tác gia Bắc Kinh, 2009.
13. Vũ Kiến Tương. Bàn về nữ quyền chủ nghĩa trong văn học Trung Quốc đương đại. Trung Quốc: Đại học sư phạm Thanh Hoa, 2002.
14. Hạ Quế Mai. Ba loại tài nguyên lý luận phê bình văn học nữ quyền đương đại. <http://www.douban.com/group/topic/11518196>
15. Chu Hồng. Văn học phụ nữ, chân trời rộng mở. Tạp chí *Phê bình văn học nước ngoài*, số 1/1989 (tiếng Trung).
16. Mạnh Duyệt. Hai nghìn năm: quan điểm mù quáng về nữ giới trong lịch sử. Tạp chí *Văn luận Thượng Hải*, số 2/1989.
17. Trần Tuấn Đào. Bút ký về ba lớp nhà phê bình đại lục Trung Quốc đương đại. Tạp chí *Học thuật Đông Nam*, số 1/2003 (tiếng Trung).